

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC LỚP MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI

I. MỤC TIÊU - NỘI DUNG

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			
a) Phát triển vận động			
1	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay. + Bật chéo 2 tay trước ngực + Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao. + Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau. + Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Đứng cúi về trước ngả người ra sau. + Đứng nghiêng người sang bên, kết hợp tay đưa cao. + Đứng nghiêng người sang bên kết hợp tay đặt sau gáy. - Chân: + Bước lên phía trước,	1=>9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên + Bật tại chỗ. + Co duỗi chân + Đứng, khụy gối + Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang. + Bật tách - chụm chân tại chỗ + Bật lên trước, lùi lại, sang bên + Đứng nâng cao chân, gập gối	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m.	+ Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi kiễng gót liên tục 3m.	3,5,8
3	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy theo hướng thẳng + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc. + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.	1,2,4,6,7
4	- Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô : bắt được 3 lần liên không rơi bóng (Khoảng cách 2,5cm) + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm).	+ Lăn bóng với cô. + Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay + Tung bóng cho cô + Đập bắt bóng với cô. + Chuyển bóng 2 bên theo hàng ngang + Chuyển bóng 2 bên theo hàng dọc. + Tung bóng lên cao bằng 2 tay.	1,2,5,6,7,8,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	+ Chạy được liên tục 15m theo hướng thẳng + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Bò theo hướng thẳng. + Trườn theo hướng thẳng. + Bò theo đường dích dắc. + Trườn theo đường dích dắc + Trườn về phía trước. + Bò chui qua cổng. + Trườn chui qua cổng. + Bước lên, xuống ghế (cao 30 cm) +BAT về phía trước +BAT nhảy tại chỗ. +BAT xa 25cm. + Bước lên, bật xuống bụi cao 30 cm.	1=>9
6	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau - Quay ngón tay, cổ tay. - Cuộn cổ tay - Xoay tròn cổ tay vào nhau - Vẩy cổ tay - Đan nan tre, giấy - Tết rom, tóc, len	4,5,6,7,9
7	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm - Xếp chồng 8 – 10 khối không đổ - Tự cài, cởi cúc	- Sử dụng kéo, bút: + Vẽ được đường thẳng, hình tròn theo mẫu + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm - Tô vẽ nguệch ngoạc - Xé, dán giấy - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Tự cài, cởi cúc, kéo khóa	4,5,7,8,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		áo, quần	
b) Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe			
8	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc của địa phương khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: Thịt lợn, thịt trâu, cá nướng, trứng, sữa, rau...)	2,5,6
9	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, cá sốt cà chua, thịt rim đậu, canh rau cải, rau ngót...	- Nhận biết các bữa ăn quen thuộc phù hợp với thực tế: Trứng rán, cá sốt cà chua, thịt rim đậu, canh rau cải, rau ngót...	3,4
10	- Trẻ biết ăn để lớn lên khỏe mạnh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất: ăn nhiều các loại thức ăn khác nhau để lớn lên khỏe mạnh. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ăn mất vệ sinh bị ỉa chảy, ăn xong không đánh răng sẽ bị sâu răng, ăn ít bị suy dinh dưỡng, ăn nhiều chất béo, đường sẽ bị béo phì ...)	2,4
11	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, xúc miệng, + Tháo tất, cởi quần, áo...	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản trong cuộc sống phù hợp với phong tục và điều kiện sống của trẻ tại địa phương + Làm quen cách đánh răng, lau mặt theo đúng các bước. + Tập rửa tay bằng xà phòng theo 6 bước rửa tay. Rửa tay sau khi đi vệ sinh, trước khi ăn, khi tay bị bẩn + Tự tháo tất, cởi quần áo. - Thể hiện bằng lời nói về	1,3

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	
12	- Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	1,2
13	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe phù hợp với bản thân: Uống nước đã đun sôi, không cười đùa khi ăn, không làm rơi vãi cơm...	1,3
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người: Vệ sinh răng miệng, đi dép, giày khi đi học. Nhận trang phục theo thời tiết: Mặc quần áo cộc tay khi trời nóng, Mặc áo ấm, đi tất, giày dép khi trời lạnh. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm ho, đau đầu, sốt nóng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Khi bị đau, chảy máu	2,4,8
15	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) ở địa bàn sinh sống khi được nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng (dao, kéo, bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) nguy hiểm đến tính mạng.	3,7,8,9
16	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm ở trên địa bàn sinh sống và lúc đi chơi (hồ, ao, bể chứa nước, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn tại địa phương và trường lớp, nguy hiểm đến tính mạng như: nương, bể chứa nước, ao, hồ, sông, suối, cầu...	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
17	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo lên bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp trong cuộc sống thực của trẻ và gọi người giúp đỡ: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo lên bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp + Chạy ra khỏi đám cháy khi có hỏa hoạn xảy ra + Giáo dục giới tính, cách phòng tránh xâm hại giới tính, bảo vệ các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể...	1,2,6

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

a) Khám phá khoa học

18	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. Quan tâm đến việc giữ gìn, bảo vệ nguồn nước nơi trẻ sinh sống - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày tại địa phương: Nước giếng, nước máy, nước mưa...	5,8
19	- Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi với trẻ.	2,5

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
20	- Trẻ được làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng. Ví Dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi có ở nơi trẻ sống.	8
21	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Thu thập thông tin về đối tượng gần gũi nơi trẻ sống bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: - Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc: con gà, con chó, cây soài, cây nhãn, hoa hồng...	5,9
22	- Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi, - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc: Xe đạp, xe máy, ô tô, công nông... - Tên, đặc điểm, công dụng của một số loại hoa - Tên, đặc điểm, công dụng của một số loại quả - Tên, đặc điểm, công dụng của một số loại rau	1,3,6,7

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
23	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng trong cuộc sống hàng ngày của trẻ. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương (sạt lở đất, động đất, lụt...; hậu quả và cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày	5,6,8
24	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi gần gũi với trẻ: Trường, lớp học, gia đình - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc nơi trẻ sống: Ô tô, xe máy, công nông... - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc nơi trẻ sống: hoa hồng, hoa cúc, quả cam, quả bưởi... Lợi ích của thực vật đối với phòng chống thiên tai (Trồng cây xanh...)	1=>7
25	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	1,2,3,4,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
26	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Quan tâm đến số lượng và đếm: Hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	2,7,9
27	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng	5,6,7,8
28	- Trẻ biết cách so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Một và nhiều - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1,5,6,7,8
29	- Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm: gộp nhóm 2 và nhóm 1 và đếm : 1,2,3 tất cả là 3...	5,6,7,8
30	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	5,6,7,8
31	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại	- Xếp xen kẽ - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	3,9
32	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn, bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kích thước: To hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn, bằng nhau	4,6
33	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép thành các hình vuông, chữ nhật,	3,4,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		bàn, ghế, phương tiện giao thông...	
34	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2
c) Khám phá xã hội			
35	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân; (Bạn trai tóc ngắn, mặc quần áo. Bạn gái tóc dài buộc nơ, mặc váy, dịu dàng..)	2
36	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	3
37	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình của bản thân trẻ khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. (Thôn, đội, bản, xã..)	3
38	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.	1
39	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng, nghề thủ... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến ở địa phương: Nghề nông, nghề xây dựng, nghề mộc, nghề thủ, nghề đan lát...	4, 9
40	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng,... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Một số lễ hội phù hợp với văn hóa địa phương: Ngày khai giảng, lễ hội hoa ban, lễ hội hoa anh đào, tết cổ truyền, lễ hội đền Hoàng Công Chất...qua trò chuyện, tranh ảnh.	1,6

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
41	- Trẻ biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ Tổ quốc - Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của địa phương: Bảo tàng chiến thắng, nghĩa trang liệt sĩ, đền Hoàng Công Chất, đồi A1, khu du lịch sinh thái Him Lam, khoáng nóng u va...	9
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			
42	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, VD: “Cháu hãy lấy ba lô và bỏ quần áo vào”	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản: “Cháu hãy lấy ba lô và bỏ quần áo vào”, “Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ” ...	1,2,3
43	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ tên người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	1=>6
44	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng phù hợp với khả năng của trẻ: Con học lớp nào, nhà con có những ai?... - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc của địa phương phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao đồng dao, tục ngữ, câu đố hò vè dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi	1,2,3,4,5,7,8
45	- Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	5, 6,7,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
46	- Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đèn xanh, đèn đỏ, đường cho người đi bộ...)	1=>7
47	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	8,9
48	- Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc đã diễn ra của bản thân theo cách của trẻ: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	2,3
49	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi và địa phương nơi trẻ sống.	1=>9
50	- Trẻ kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	4=>7,9
51	- Trẻ có khả năng bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh phù hợp khả năng của trẻ có sự giúp đỡ. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	8,9
52	- Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa”... trong giao tiếp hàng ngày phù hợp với văn hóa địa phương nơi trẻ sống.	1,2,3,5,6
53	- Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4,7,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
54	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách, xem tranh	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu	7,8,9
55	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau: xem tranh ảnh phim về ATGT, truyện tranh về giao thông... - Giữ gìn sách không quăng ném, lật xem nhẹ nhàng - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	
56	- Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	- Làm quen với cách viết tiếng Việt: - Hướng viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ;	4,8,9

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI

57	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính (bạn trai, bạn gái.)	2,7
58	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	1, 2,4,5,6,7,9
59	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	3=>9
60	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	1,4,5,6,7,8

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
61	- Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2,3
62	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động...	1=>3
63	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của địa phương: Cánh đồng lúa, vườn rau, lễ hội hoa ban, lễ hội hoa anh đào, tết cổ truyền.	8,9
64	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.		
65	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ...	- Một số quy định phù hợp văn hóa ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ...) - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột - Chờ đến lượt.	1,3,4,7,8
66	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép phù hợp với văn hóa của địa phương (chào hỏi, cảm ơn).	1=>6
67	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Tập trung chú ý nghe khi cô, bạn nói.	1=>7
68	- Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn + Bình đẳng giới giữa bạn nam, bạn nữ trong khi chơi	1=>9
69	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. + Cách chăm sóc bảo vệ con vật khi chuẩn bị có thiên tai đến một cách đơn giản như: Giữ ấm bằng cách thu gom rơm rạ, lá khô...	5,8

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		- Tiết kiệm điện, nước.	
70	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	1,2,3,4,6,8,9
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ			
71	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	4,6,7
72	- Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) phù hợp với văn hóa địa phương nơi trẻ sống.	1=>9
73	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.	- Vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình ở địa phương.	7,8
74	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát phù hợp với đặc trưng văn hóa địa phương nơi trẻ sống.	1=>9
75	- Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc đặc sắc của địa phương nơi trẻ sống (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa.)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc đặc sắc của địa phương nơi trẻ sống. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp đặc trưng của dân tộc nơi trẻ	1,2,3,4,5,6,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		sống.	
76	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình sẵn có ở địa phương nơi trẻ sống để tạo ra các sản phẩm.	1,2,5,6
77	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1=>9
78	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		
79	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		
80	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách để tạo ra sản phẩm đơn giản.	3,4
81	- Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	2=>9
82	- Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Trẻ vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc phù hợp với văn hóa địa phương.	8,9
83	- Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích	7,8
84	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

S T T	Chủ đề thời gian	Nhánh	Thời gian	Điều chỉnh bổ sung
	Từ ngày 3/9/2025 đến ngày 5/9/2025	- Rèn nề nếp	- 1 tuần từ 1/9 -> 5/9	
1	Trường mầm non – Tết trung thu (4 tuần) Từ ngày 08/09/2025 đến ngày 3/10/2025	- Trường mầm non của bé	- 1 Tuần từ 8/9->12/9	
		- Cô giáo và các bạn	- 1 Tuần từ 15/9->19/9	
		- Đồ dùng đồ chơi của lớp	- 1 Tuần từ 22/9->26/9	
		- Bé vui tết trung thu	- 1 Tuần từ 29/9->3/10	Tết trung thu (phạm vi: toàn trường)
2	Bản thân bé (4 tuần) Từ ngày 6/10/2025 đến ngày 31/10/2025	- Bé là ai	- 1 Tuần từ 6/10->10/10	
		- Cơ thể kỳ diệu của bé	- 1 Tuần từ 13/10->17/10	
		- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	- 1 Tuần từ 20/10->24/10	
		- Bé bảo vệ bản thân	- 1 Tuần từ 27/10->31/10	
3	Gia đình thân yêu - ngày 20/11 (4 tuần) Từ ngày 3/11/2025 đến ngày 28/11/2025)	- Những người thân yêu của bé	- 1 Tuần từ 3/11->7/11	
		- Ngôi nhà của bé	- 1 Tuần từ 10/11->14/11	
		- Ngày hội 20/11	- 1 Tuần từ 17/11->21/11	Ngày nhà giáo VN (Phạm vi: khối, lớp)
		- Đồ dùng trong gia đình	- 1 Tuần từ 24/11->28/11	
4	Những nghề bé thích - Ngày 22/12 (4 tuần)	- Bác nông dân	- 1 Tuần từ 01/12->5/12	
		- Nghề thêu, dệt của dân tộc thái	- 1 Tuần từ 8/12->12/12	

	Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 26/12/2025	- Bác công nhân	- 1 Tuần từ 15/12->19/12	Ngày 22/12 (Phạm vi: khối, lớp)
		- Ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12	- 1 Tuần từ 22/12->26/12	
5	Những con vật bé yêu (4 tuần) Từ ngày 29/12/2025 đến ngày 23/1/2026	- Con vật nuôi trong gia đình	- 1 Tuần từ 29/12->2/01	
		- Con vật sống dưới nước	- 1 Tuần từ 5/01->9/01	
		- Con vật sống trong rừng	- 1 Tuần từ 12/01->16/01	
		- Một số con côn trùng	- 1 Tuần từ 19/01->23/01	
6	Thế giới thực vật – tết và mùa xuân (4 tuần) Từ ngày 26/1/2026 đến ngày 27/2/2026	- Cây xanh quanh bé	- 1 Tuần từ 26/01->30/01	
		- Hoa, quả bé thích	- 1 Tuần từ 2/2->6/2	
		- Tết và mùa xuân	- 1 Tuần từ 9/2->13/2	Bé vui đón tết (Phạm vi: Toàn trường)
		<i>Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02 đến 20/02/2026</i>		
		Một số loại rau	1 Tuần từ 23/02->27/02	
7	Phương tiện và quy định giao thông – ngày hội 8/3 (4 tuần) Từ ngày 2/3/2026 đến ngày 27/3/2026	- Ngày hội 8/3	-1 Tuần từ 2/3->6/3	Ngày 8/3 (Phạm vi: khối, lớp)
		- PTGT đường bộ	- 1 Tuần từ 9/3->13/3	
		- PTGT đường thủy, đường hàng không	- 1 Tuần từ 16/3->20/3	
		- Bé đi đường an toàn	- 1 Tuần từ 23/3->27/3	
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Một số nguồn nước	- 1 Tuần từ 30/3->3/4	
		- Một số hiện tượng tự nhiên	- 1 Tuần từ 6/4->10/4	

	Từ ngày 30/3/2026 đến ngày 17/4/2026	- Các mùa trong năm	- 1 Tuần từ 13/4->17/4	
9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Thủ đô Hà Nội - tết thiếu nhi (4 tuần) Từ ngày 20/04/2026 đến ngày 22/05/2026	- Bản làng quê em	- 1 Tuần từ 20/4->24/4	
		<i>Tuần ôn</i>	<i>từ 27/4->01/5</i>	
		- Thủ đô Hà Nội	- 1 Tuần từ 3/5->8/5	
		- Bác Hồ kính yêu	- 1 tuần từ 11/5->15/5	
		- Tết thiếu nhi	- 1 Tuần từ 18/5->22/5	Tết thiếu nhi (Phạm vi: khối, lớp)

BAN GIÁM HIỆU
(Ký duyệt)

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Phạm Thanh Thúy

Trần Thị Bích Thảo